

GÓP THÊM Ý KIẾN VỀ GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT THỜI LÊ

Nguyễn Thị Thuý¹

TÓM TẮT

Trải qua lịch sử phát triển ngàn năm của quốc gia quân chủ Việt Nam, từ triều Lý, Trần, Hậu Lê đến vương triều Nguyễn đều cho soạn thảo và ban hành các bộ luật thành văn. Mỗi bộ luật đều mang những dấu ấn đặc trưng của các triều đại; có sự kế thừa truyền thống văn hoá dân tộc và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố bên ngoài. Trong số đó, “Quốc triều hình luật” thời Lê được đánh giá là đỉnh cao của luật pháp Việt Nam thời quân chủ với nội dung phong phú, toàn diện. Một trong những điểm độc đáo của “Quốc triều hình luật” là giá trị nhân văn sâu sắc. Điều này không chỉ khẳng định sự phát triển hoàng kim của quốc gia Đại Việt thời Hoàng đế Lê Thánh Tông mà còn tiêu biểu cho các giá trị văn hóa, văn minh của dân tộc Việt Nam.

Từ khoá: Quốc triều hình luật, luật Hồng Đức, giá trị nhân văn.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.82.12.2025.809>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, nhà Hậu Lê do Lê Thái Tổ sáng lập là một vương triều lớn và có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước. Với gần bốn thế kỉ tồn tại của nhà Hậu Lê (đầu thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII), đặc biệt là giai đoạn đầu (Lê sơ), quốc gia Đại Việt đã phát triển thịnh trị. Đây là thời kỳ để lại nhiều thành tựu trên các phương diện từ kinh tế, chính trị đến văn hoá, xã hội. Trong đó, việc soạn thảo và ban hành *Quốc triều hình luật* được đánh giá là bộ luật điển hình và đỉnh cao trong lịch sử pháp luật và điển chế của thời kỳ quân chủ Việt Nam, gắn liền với vai trò của vị Hoàng đế Lê Thánh Tông. Nội dung của *Quốc triều hình luật* có nhiều điều khoản mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

Mặc dù mang tính giai cấp và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố của pháp luật Trung Quốc nhưng các điều khoản của *Quốc triều hình luật* đã chú ý đến những phong tục - tập quán truyền thống của dân tộc; thể hiện sự quan tâm đến con người và quyền con người, đặc biệt là địa vị của phụ nữ, trẻ em và những người yếu thế trong xã hội đương thời. Đây chính là yếu tố tạo dựng nên giá trị nhân văn và tầm vóc lớn lao, tiên bộ vượt thời đại của luật pháp thời Lê sơ.

Với tư cách là bộ luật mang tính điển hình, hoàn thiện nhất trong lịch sử lập pháp Việt Nam thời kỳ quân chủ, *Quốc triều hình luật* đã trở thành đối tượng quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước. Bộ luật đã được dịch và xuất bản ra nhiều thứ tiếng khác nhau như tiếng Pháp (năm 1911, 1935) và tiếng Anh (năm 1987). Tiếp cận và nghiên cứu về bộ luật này, có học giả “*đi từ sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên khác*” [3; tr.27]. Nhìn

¹Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthithuy@hdu.edu.vn

chung, các kết quả nghiên cứu trước nay đã cung cấp nhiều tri thức quan trọng, góp phần khẳng định vai trò và các giá trị của bộ *Quốc triều hình luật* trong bối cảnh lịch sử Việt Nam và khu vực thế kỉ XV. Trong đó đáng lưu ý là luận án tiến sĩ luật học nghiên cứu về các giá trị và sự tiến bộ của *Quốc triều hình luật* [13]. Trên cơ sở hệ thống lí luận về chủ nghĩa nhân văn, tác giả luận án đã chỉ rõ phương hướng, quan điểm và giải pháp để kế thừa các giá trị nhân văn, sự tiến bộ của *Quốc triều hình luật* trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền và hoàn thiện pháp luật hiện nay. Tuy nhiên, để có thêm những đánh giá khoa học về bộ luật được đánh giá là sự phát triển đỉnh cao của lịch sử lập pháp và hành pháp Việt Nam thời kỳ quân chủ thì từ góc nhìn lịch sử, việc nghiên cứu sâu hơn các giá trị nhân văn của *Quốc triều hình luật* vẫn là việc làm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong xã hội đương đại. Các điều khoản về tư tưởng trọng dân; sự yêu thương, hành động vì nhân dân và đặc biệt là vị trí, vai trò của người phụ nữ cũng như quyền lợi của trẻ em... đã phản ánh giá trị nhân văn sâu sắc của *Quốc triều hình luật*. Bài viết góp thêm những kiến giải khoa học về những kinh nghiệm trong việc đề xuất các giải pháp kế thừa và vận dụng các giá trị của bộ *Quốc triều hình luật* đối với quá trình hoàn thiện và phát triển luật pháp Việt Nam trong kỉ nguyên phát triển, vươn mình của dân tộc. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể sẽ cung cấp thêm những luận cứ khoa học trong việc phát huy các giá trị di sản văn hóa pháp lý đặc sắc của Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp lịch sử, logic

Nghiên cứu về các giá trị và tính nhân văn của bộ *Quốc triều hình luật* trong bối cảnh xã hội Đại Việt thời Lê sơ, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic. Trên cơ sở nội dung các điều khoản của bộ luật, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử để luận giải thêm về các giá trị nhân văn vượt thời đại của pháp luật thời Lê sơ trong việc quan tâm đến con người, coi con người là trung tâm của xã hội và đặc biệt là những nhóm người yếu thế trong xã hội... ở bối cảnh Đại Việt thế kỉ XV. Từ đó không chỉ khẳng định các giá trị của *Quốc triều hình luật* mà còn là những bài học kinh nghiệm được kế thừa và vận dụng trong quá trình xây dựng và củng cố nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa “*do dân và vì dân*”. Phương pháp logic được sử dụng để làm sáng tỏ mối liên hệ, tác động của các thành tố (kinh tế, văn hoá, xã hội...) đến sự ra đời cũng như đặc điểm của bộ *Quốc triều hình luật* trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ...

2.2. Một số phương pháp nghiên cứu khác

Đồng thời, để rút ra được các đánh giá khoa học, khách quan về giá trị nhân văn trong các điều khoản của *Quốc triều hình luật*, bài viết còn sử dụng phương pháp nghiên cứu của một số chuyên ngành như Văn hóa học, Dân tộc học... Đặc biệt, phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh tư liệu, phương pháp tiếp cận liên ngành - Khu vực học cũng được vận dụng để khai thác các nguồn tài liệu và nghiên cứu đặc trưng văn hóa pháp lý Việt Nam thế kỉ XV. Với phương pháp Khu vực học, đối tượng nghiên cứu là nội dung của bộ *Quốc triều hình luật* được tìm hiểu, đánh giá toàn diện trong mối quan hệ tương tác giữa hoàn cảnh lịch sử Đại Việt thế kỉ XV với điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội phong kiến thời Lê sơ. Từ đó, rút ra được những đặc điểm lập pháp và hành pháp dân tộc Việt trong xã hội đương thời.

Các phương pháp được sử dụng nhằm khai thác nguồn tư liệu hiện có để thu được những quan điểm khoa học, khách quan về vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp có thể làm sáng tỏ thêm về tính nhân văn của luật pháp trong thời kỳ quốc gia quân chủ và bài học kinh nghiệm đương đại.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về bộ *Quốc triều hình luật*

Sau 10 năm “ném mật, nằm gai”, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi vẻ vang, Đại Việt sạch bóng quân Minh xâm lược, đất nước trở lại thanh bình. Ngày 29 tháng 4 năm 1428 (năm Mậu Thân), Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế (Lê Thái Tổ), lập ra triều đại Hậu Lê. Sự thành lập của vương triều Hậu Lê đã đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử hàng ngàn năm của thời kì quân chủ ở Việt Nam. Đây là *“sự chuyển đổi mô hình từ nền quân chủ quý tộc thời Lý - Trần mang đậm tính Phật giáo màu sắc Đông Nam Á sang một nền quân chủ Nho liêu Đông Á”* [9; tr.117].

Sau khi thành lập Vương triều mới, trong việc trị nước, bên cạnh Lễ giáo, các vua Lê rất coi trọng đến việc định chế pháp luật và xây dựng một nhà nước pháp quyền. Vì vậy, các vị Hoàng đế nhà Lê ngay từ khi vương triều mới thiết lập đã có ý thức xây dựng những quy định, luật lệ để quản lý đất nước. Lê Thánh Tông quan niệm *“Pháp luật là phép công của Nhà nước, ta và các người đều phải tuân theo”* [8; tr.631]. Bởi vậy, trên cơ sở tổng hợp và hệ thống hoá các điều luật được ban hành trong thời Lê sơ và bổ sung thêm, đến giai đoạn trị vì của mình, Đại Việt thời Lê Thánh Tông đã xây dựng thành một bộ luật hoàn chỉnh, đầy đủ với tên gọi *Quốc triều hình luật* hay còn gọi là *Bộ luật Hồng Đức*². Sự kiện này không chỉ đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lĩnh vực lập pháp mà còn thể hiện sự phát triển hoàng kim của thời kỳ Lê sơ trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

Ra đời trên cơ sở kinh tế và kết cấu giai tầng xã hội Đại Việt ở thời kì Hồng Đức thịnh trị, *Quốc triều hình luật* là sản phẩm độc đáo thuộc phạm vi kiến trúc thượng tầng xã hội. Mục tiêu cơ bản của bộ luật này là *“bảo vệ vương quyền, chế độ quan liêu, trật tự đẳng cấp, gia đình phụ hệ gia trưởng và ý thức hệ Nho giáo”* [9; tr.119]. Đây chính là công cụ quan trọng để xây dựng và củng cố nhà nước quân chủ tập quyền quan liêu thời Lê, tạo lập cơ sở cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhà nước Đại Việt.

Bộ luật được soạn thảo và ban hành vào nửa sau thế kỉ XV, toàn bộ kỉ cương, phép nước của quốc gia Đại Việt được đúc kết trong 722 điều. Theo ý kiến của Insun Yu thì trong 722 điều của *Quốc triều hình luật* có *“261 điều vay mượn từ bộ luật nhà Đường và 53 điều ở luật nhà Minh”* [6; tr.72]; 178 điều chung đề tài với các bộ luật của Trung Quốc nhưng *Quốc triều hình luật* đã đưa ra một số giải pháp khác hẳn. Đáng chú ý có đến hơn một nửa (hơn 400 điều) *“hoàn toàn xuất xứ từ Việt Nam”* [6; tr.72,73] và mang đặc trưng văn hóa dân tộc Việt. Đây chính là những bằng chứng xác thực cho tính độc lập trong tư duy, sự sáng tạo của các nhà lập pháp triều Lê để phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc.

²Bộ luật ra đời trong thời kỳ trị vì của Hoàng đế Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức. Lê Thánh Tông (1442- 1497) tên húy là Lê Tư Thành. Ông là con thứ 4 của vua Lê Thái Tông và Ngô Thị Ngọc Dao. Lên ngôi lúc 18 tuổi (năm 1460). Trong 37 năm trị vì Đại Việt, thời Lê Thánh Tông có hai niên hiệu; Quang Thuận (1460- 1470) và Hồng Đức (1470- 1497).

Ngoài phần mở đầu gồm bản đồ năm hạng để tang, việc để tang chín hàng họ trong họ nội và kích thước các hình cụ (roi, trượng, trượng để tra tấn, gông, dây sắt), nội dung *Quốc triều hình luật* được chia làm 6 quyển với 13 chương. Mỗi quyển 2 chương, riêng quyển III có 3 chương. Tổng thể bộ luật gồm 722 điều khoản:

Quyển I: *Danh lệ* (Tên gọi luật lệ - 49 điều) và *Vệ cấm* (Canh giữ bảo vệ - 47 điều);

Quyển II: *Vi chế* (Làm trái pháp luật - 144 điều) và *Quân chính* (43 điều);

Quyển III: *Hộ hôn* (Hôn nhân gia đình - 58 điều), *Diền sản* (59 điều) và *Thông gian* (10 điều);

Quyển IV: *Đạo tặc* (Trộm cướp - 54 điều) và *Đấu tụng* (Đánh nhau kiện cáo - 50 điều);

Quyển V: *Trá ngục* (Gian dối - 38 điều) và *Tạp luật* (92 điều);

Quyển VI: *Bộ vong* (Bắt tội phạm chạy trốn - 13 điều) và *Đoán ngục* (Xử án - 65 điều).

Nhìn chung, sự ra đời của *Quốc triều hình luật* là kết quả từ quá trình phát triển lập pháp liên tục của Đại Việt thời Lê sơ. Trong đó nổi bật với vai trò khởi đầu của Lê Thái Tổ và đóng góp quan trọng của Lê Thánh Tông. Trên cơ sở kế thừa thành tựu pháp luật thời Lý, Trần và sự giao thoa văn hoá Trung Quốc, 722 điều khoản của *Bộ luật Hồng Đức* đã thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh, giữa luật, tục lệ truyền thống và tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Mặc dù được xây dựng theo mô hình của một bộ luật hình sự với khung ngũ hình: xuy, trượng, đồ, lưu, tử³ và một số hình phạt khác⁴ nhưng *Quốc triều hình luật* mang tính toàn diện từ diền sản, dân sự, hình sự đến hôn nhân - gia đình, quân sự, tố tụng... Bộ luật được chia thành nhiều chương, mục, quy định cụ thể về các tội danh, hình phạt và thủ tục tố tụng. Có thể khẳng định, bộ *Quốc triều hình luật* đã phản ánh sự phong phú, đa dạng và bản sắc văn hóa dân tộc trong luật pháp của xã hội Đại Việt thời kỳ toàn thịnh.

3.2. Về tư tưởng trọng dân và đề cao vai trò của con người trong xã hội

Quốc triều hình luật là bộ luật thành văn hoàn chỉnh, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử lập pháp Việt Nam thời quân chủ. 722 điều khoản của bộ *Quốc triều hình luật* đã thể hiện sự kết hợp hài hòa và thống nhất giữa phép nước và lệ làng. Các điều luật đã mô tả cụ thể các hành vi và hình phạt tương ứng. Đặc biệt, vượt ra khỏi khuôn khổ giáo lý của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Lão và thực tiễn xã hội đương thời, xuyên suốt *Quốc triều hình luật* là tinh thần

³Năm hình phạt dành cho người phạm tội, gọi là “ngũ hình”. Trong đó, xuy là đánh bằng roi, có 5 bậc: 10, 20, 30, 40, 50 roi, có thể kèm phạt tiền và biếm chức (giáng chức), tùy tội mà thêm bớt hoặc chỉ xử riêng bằng hình phạt đó; áp dụng cả cho nam và nữ...; tội đồ, lưu chỉ dùng cho nữ giới. Trượng là đánh bằng gậy cũng có 5 bậc: 60, 70, 80, 90 và 100 trượng xử kèm theo lưu, đồ, biếm chức, tùy mà thêm bớt hoặc xử riêng hình phạt đó; chỉ áp dụng cho nam...Đồ là giam cầm và bắt lao dịch khổ sai, gồm 3 bậc, theo tội mà gia giảm: dịch đình và dịch phụ (nam, nữ đều phải làm công việc phục dịch nặng nhọc); tượng phưởng bình (lính dọn dẹp chuồng voi) và xuy thất tì (đầy tớ nữ nấu ở nhà bếp); chủng diền binh (lính đồn điền, đầy làm việc ở Diền Châu) và thung thất tì (đầy tớ nữ giặt gạo ở nhà bếp)...Lưu là đầy đi xa gồm: Lưu cận châu (đầy đi Nghệ An, Hà Tĩnh, Thuận Hoá); lưu ngoại châu (đầy đi Bố Chính) và lưu viễn châu (đầy đi Cao Bằng)... Tử là giết chết gồm 3 bậc: Thắt cổ, chém; chém bêu đầu và lăng trì.

⁴Một số hình phạt khác như: Biếm tư (hạ thấp tư cách của người bị phạt), phạt tiền, tịch thu tài sản, thích chữ vào cổ hoặc mặt và xung vợ con làm nô tỳ.

nhân văn sâu sắc với lòng yêu thương, tôn trọng phẩm giá con người; đề cao vai trò con người trong sự nghiệp chống ngoại xâm, tái thiết đất nước và các hành động cụ thể thể hiện sự yêu thương và hành động vì nhân dân. Đây là những nội dung mang giá trị nhân văn sâu sắc và sự tiến bộ vượt thời đại được thể hiện trong điển hình luật pháp Việt Nam thời quân chủ.

Tư tưởng trọng dân và đề cao vai trò của con người trong xã hội là một trong những giá trị tiêu biểu thể hiện tính nhân văn của *Quốc triều hình luật*. Trong bối cảnh xã hội Đại Việt thế kỉ XV, *Quốc triều hình luật* cơ bản mang tính giai cấp và ý nghĩa thời đại. Tuy nhiên, các điều khoản của bộ luật đã thể hiện rõ nét tư tưởng: *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/Quân điều phạt trước lo trừ bạo*⁵ của chính quyền Lê sơ trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nội dung cơ bản của bộ luật đã hướng đến quyền lợi con người trong quá trình điều chỉnh quan hệ xã hội, nhất là quan hệ giữa giai cấp thống trị và bị trị. Vì vậy, *Bộ luật Hồng Đức* đã góp phần làm mờ đi ranh giới của sự áp đặt ý chí của giai cấp cầm quyền lên thân thể và tinh thần của người dân Đại Việt ở thế kỉ XV, cũng như sự ảnh hưởng trong các giai đoạn lịch sử sau đó.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của nhân dân trong kháng chiến chống ngoại xâm và quá trình tái thiết đất nước, ngay trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã khẳng định tư tưởng trọng dân và mưu cầu cho hạnh phúc muôn dân. Để củng cố cho tư tưởng này, ngay sau khi sáng lập ra vương triều Hậu Lê, Lê Thái Tổ đã cho ban hành luật pháp nhằm quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của thần dân đối với đất nước. Các vị vua kế tiếp đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và đến thời kì trị vì của Lê Thánh Tông thì *Bộ luật Hồng Đức* được ban hành. Đặc biệt, một số điều khoản của bộ luật đã thể hiện rõ tính nhân văn và dân tộc sâu sắc. Tiêu biểu là các điều luật về bảo vệ phụ nữ, người già, người tàn tật, trẻ em cũng như sản xuất nông nghiệp... Điều này đã thể hiện tư tưởng tiến bộ và tính nhân văn của nhà nước thời Lê sơ so với các triều đại Lý - Trần trước đó và nhất là triều Nguyễn sau này.

Với quan điểm “trọng dân”, coi nhân dân là yếu tố then chốt thúc đẩy xã hội phát triển, là một vị Hoàng đế anh minh, bản thân Lê Thánh Tông luôn mong muốn mọi người dân của Đại Việt đều sung túc và yên vui để hướng tới thịnh trị [8; tr.646, 647]. Đặc biệt, ông quan niệm yêu thương người dân là trách nhiệm của quan lại; mọi việc lợi nên làm cho dân và mọi mối hại nên bỏ. Vì vậy, bộ luật đã quy định rõ trách nhiệm của đội ngũ quan lại từ trung ương đến địa phương trước thần dân. Các điều luật đã thể hiện rõ tinh thần cố gắng xây dựng bộ máy hành chính thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Theo đó, người dân đã được thụ hưởng quyền lợi từ sự chăm lo của nhà nước. Và, đội ngũ quan lại đã trở thành những công bộc của dân thông qua quan điểm và các chế định của *Quốc triều hình luật* thời Lê sơ.

Đáng lưu ý, một số điều khoản của *Quốc triều hình luật* còn bắt buộc và khuyến khích con người phải sống có trách nhiệm với nhau, đồng thời đề cao tình cảm và các mối quan hệ gia đình, xã hội (điều 318, 477, 478, 511...). Điển hình như các mối quan hệ giữa ông bà,

⁵Trích trong *Bình Ngô Đại Cáo* do Nguyễn Trãi soạn thảo vào năm 1428. Tác phẩm *Bình Ngô Đại Cáo* viết bằng chữ Hán, thay lời Bình Định Vương Lê Lợi tuyên cáo về việc giành chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Minh; đồng thời khẳng định quyền độc lập và tự chủ của Đại Việt trước triều đình phương Bắc.

cha mẹ, vợ chồng, anh em, bạn bè, thầy trò... theo những chuẩn mực đạo đức Nho giáo và phong tục - tập quán truyền thống dân tộc (điều 321, 324, 374...). Đây là các minh chứng rõ nét cho tính chất nhân văn của *Quốc triều hình luật*; góp phần duy trì những giá trị chân chính của cuộc sống, hướng đến xây dựng một xã hội toàn thịnh.

3.3. Về sự yêu thương và hành động vì nhân dân

3.3.1. Đối với người phạm tội

Nổi bật trong các giá trị nhân văn của *Quốc triều hình luật* là luật hình sự nghiêm minh nhưng khoan dung. Nghiêm minh để giữ gìn kỷ cương phép nước và khoan dung trong xét xử hành vi phạm tội để bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của con người. Việc định rõ tội danh và hình phạt để dạy cho dân biết lễ nghĩa, trân trọng hiện tại và các giá trị chân, thiện, mỹ; tuân thủ kỷ cương phép nước, biết cách ứng xử với nhau ở trong gia đình cũng như ngoài xã hội đã thể hiện mục tiêu của bộ *Quốc triều hình luật*. Đó là giữ vững an ninh quốc gia, tạo dựng cơ sở xây dựng nhà nước Đại Việt vững mạnh.

Đối với những người phạm tội, bộ luật đã có nhiều điều khoản thể hiện tính nhân đạo. Điển hình như không thực thi hình phạt đối với những đối tượng là trẻ em dưới 15 tuổi, những người già cả, tàn tật... Trừ phạm tội thập ác hoặc giết người, những người phạm tội do lầm lỡ, người phạm tội đã tự thú với người bị vi phạm hay tự thú trước quan lại nhà nước đều được giảm hay tha tội (điều 18, 19) [14].

Trong xử lý tội phạm, *Bộ luật Hồng Đức* đã có các điều khoản tính toán đến thời điểm phạm tội để có lợi cho tội nhân (điều 17) [14]. Điển hình như những người già cả (từ 70 tuổi trở lên) không phân biệt địa vị, giới tính đều được hưởng chính sách khoan hồng của nhà nước. Một số điều khoản khác cũng quy định cho chuộc tội bằng tiền (trừ hình phạt đánh roi) (điều 21, 22, 23, 24). Vì vậy, các điều khoản mang tính nhân văn của *Bộ luật Hồng Đức* ít nhiều đã hạn chế được sự phân biệt đẳng cấp của luật pháp Đại Việt thời kỳ quân chủ quan liêu mà bề ngoài tư tưởng là Nho giáo.

Không chỉ mang giá trị nhân văn trong các quy định về tội phạm và xử lý vi phạm, các điều khoản về tra khảo phạm nhân trong *Quốc triều hình luật* cũng đã thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Mặc dù không tránh khỏi những hạn chế như sử dụng các hình thức tra khảo để phục vụ quá trình điều tra, xét xử nhưng pháp luật thời Lê sơ đã có những quy định chặt chẽ để buộc người thực thi phải tuyệt đối tuân thủ, không được tùy tiện. Điều 665 chỉ rõ những người già trên 70 tuổi, trẻ em dưới 15 tuổi hay người phế tật nếu phạm tội thì không được tra tấn. Tra khảo không được quá ba lần; đánh bằng trượng không được quá 100 trượng. Người ra lệnh tra khảo những người có bệnh ung nhọt mà chưa lành bệnh cũng “*bị xử biếm*” (điều 669)[14]. Những người trên 90 tuổi và trẻ em dưới 7 tuổi dù phạm tội tử hình cũng không hành hình (điều 16)[14]. Cho phép trình lên bản tỵ để bản tỵ tâu vua định đoạt mức độ xét xử đối với những trường hợp phải nộp tiền ứng với tang vật bị tịch thu nhưng do hoàn cảnh của tội nhân nghèo khổ cùng cực không nộp được (điều 697) [14]...

Để tránh việc lạm dụng bạo lực với tù nhân, điều 707 quy định nếu ngục giám vô cớ hành hạ tù nhân đến bị thương thì “*xử theo luật đánh người bị thương*” [14]. Nếu ngục giám cắt xén áo quần, cơm, đồ ăn của tù nhân thì “*bị kết tội ăn trộm*”; bớt cơm tù hoặc đánh đập tù nhân dẫn đến chết thì “*bị xử đồ hay lưu*”...[14]...

Ngoài ra, một số điều khoản của *Bộ luật Hồng Đức* còn quy định các thủ tục thả tù nhân khi gặp dịp ân xá và xử phạt quan coi tù nếu không thực hiện lệnh thả phạm nhân (điều 690)... Nội dung các điều luật đã minh chứng cho việc các nhà lập pháp triều Lê đã nhìn nhận được khát khao cuộc sống tự do của người phạm tội. Vậy nên, quy định thả người ngay lập tức khi có dịp ân xá của *Quốc triều hình luật* đã khẳng định; nhà nước Lê sơ đã đánh giá được các giá trị chân chính về quyền tự do của con người trong xã hội đương thời.

Như vậy, một số điều khoản mang tính nhân đạo đối với người phạm tội chính là một bước tiến lớn trong kỹ thuật luật pháp quân chủ mà đỉnh cao là Đại Việt thời Hồng Đức. Pháp luật triều Lê sơ đã có những điều khoản thể hiện sự coi trọng và yêu thương con người, đặc biệt đối với những người phạm tội. Đây là chế tài hết sức đặc biệt, giúp hạn chế tối đa các vi phạm của quan chức tra án đối với tù nhân. Trong lịch sử lập pháp Việt Nam cho đến trước thế kỉ XV, các quyền được sống và được chăm sóc khi bị ốm đau của tù nhân đã được ghi nhận dưới trách nhiệm của quan tra án và coi tù.

3.3.2. Đối với phụ nữ và trẻ em

Đồng thời với những quy định thể hiện tính nhân văn đối với người phạm tội, *Quốc triều hình luật* còn có nhiều điều khoản liên quan trực tiếp đến phụ nữ, trẻ em... Nội dung các điều khoản này đã thể hiện rõ tính chất nhân văn, tiến bộ vượt lên trên những quan niệm, trật tự xã hội đương thời. Đến nửa sau thế kỉ XV, các nhà lập pháp triều Lê đã phân định rõ ràng chính sách, biên soạn nhiều điều luật liên quan đến địa vị pháp lý của người phụ nữ trong trật tự xã hội phong kiến. Theo một số nghiên cứu, *Quốc triều hình luật* có đến “5 điều luật bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ mà trong các bộ luật phương Đông đương thời không có”[2; tr.33].

Tính chất nhân văn, tiến bộ đối với phụ nữ và trẻ em tập trung ở 2 chương: *Hộ hôn* và *Điền sản*. Ở chương “*Hộ hôn*” có 53/722 điều luật bàn về hôn nhân và gia đình liên quan trực tiếp đến người phụ nữ. Ở chương “*Điền sản*”, 30/722 điều luật bàn về việc hương hỏa, tế lễ, thừa kế, thừa tự và sở hữu tài sản của vợ chồng [14]...

Đặt bộ *Quốc triều hình luật* trong bối cảnh ra đời ở thế kỉ XV, khi mà chế độ quân chủ quan liêu đạt đến thịnh trị và tư tưởng Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống thì có thể sẽ lý giải được căn nguyên của sự coi trọng vị trí, vai trò của người phụ nữ. Với địa vị là người đứng đầu nhà nước quân chủ quan liêu, Lê Thánh Tông đã có sự quan tâm nhiều hơn đến địa vị và quyền lợi của người phụ nữ. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hệ tư tưởng Nho giáo với truyền thống nhân đạo, tôn trọng phụ nữ trong văn hoá dân tộc Việt. Cùng với đó, cuộc đời của Lê Thánh Tông còn có sự tác động, ảnh hưởng và biết ơn của nhiều người phụ nữ. Đặc biệt là bà Nguyễn Thị Lộ⁶ và Ngô Thị Ngọc Dao⁷. Vì vậy, ông

⁶ Nguyễn Thị Lộ là vợ lẽ của Nguyễn Trãi (khai quốc công thần của nhà Lê). Năm 1442, trong vụ án oan “*Lê Chi viên*”, bị kết tội giết vua Lê Thái Tông nên Nguyễn Trãi đã bị “*tru di tam tộc*”. Trải qua hàng trăm năm, vụ án “*Lê Chi viên*” và nỗi oan khuất của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ vẫn là vấn đề bàn luận của nhiều nhà sử học.

⁷ Ngô Thị Ngọc Dao là phi tần vua Lê Thái Tông. Khi mang thai Lê Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông), Ngô Thị Ngọc Dao bị hãm hại khiến bà bị giam cầm ở lãnh cung. Tuy nhiên, Ngô Thị Ngọc Dao được vợ chồng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ hết lòng bảo vệ, xin vua tha cho bà. Sau này, vua Lê Thánh Tông là người minh oan cho Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ.

muốn bảo vệ quyền lợi của những người phụ nữ cũng như trẻ em trong xã hội đương thời và điều này đã được cụ thể hoá qua những điều khoản của điển hình pháp luật Việt Nam thời phong kiến - *Bộ luật Hồng Đức* .

Đối với người phụ nữ, trong mỗi quan hệ gia đình, con trai, con gái bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Theo điều 388 thì con gái được quyền chia tài sản như con trai. Trong trường hợp gia đình không có con trai, cháu trai thì con gái, cháu gái được quyền hưởng khối cho cha mẹ (điều 391) [14]...

Theo quan điểm “*tam tông*” của lễ giáo phong kiến, người vợ phải lệ thuộc vào chồng. Tuy nhiên, theo quy định của *Bộ luật Hồng Đức*, người vợ vẫn có những quyền độc lập nhất định. Họ có tài sản riêng, được xin ly hôn trong một số trường hợp. Điều 322 cho phép người phụ nữ có quyền từ hôn nếu thấy vị hôn phu chẳng may bị ác tật, phạm tội hay phá sản [14]. Người vợ có quyền bỏ chồng nếu người chồng ruồng bỏ, không đi lại với vợ trong 5 tháng (điều 308) [14]. Khi ly hôn, tài sản của ai có trước khi kết hôn được trả về cho người đó. Người phụ nữ được chia đôi các tài sản do vợ chồng cùng gây dựng (điều 374, 375) [14]. Trong trường hợp cưỡng ép phụ nữ kết hôn nếu người phụ nữ đó vẫn thủ tiết thì “*bị biếm ba tư và buộc phải ly dị*” (điều 320) [14]; hay “*những nhà quyền thế mà ức hiếp để cưới con gái lương dân thì xử phạt, biếm hay đồ*” (điều 338) [14].

Nếu xâm phạm thân thể, tiết hạnh của người phụ nữ cũng bị xử rất nặng. Điều 403 quy định: “Hiếp dâm thì xử lưu hay chết. Phải nộp tiền tạ tội hơn một bậc đối với tiền tạ tội gian dâm thường. Nếu gây thương tích cho người đàn bà thì xử nặng hơn một bậc đánh người bị thương. Nếu làm chết người đàn bà thì điển sản kẻ phạm tội phải giao cho nhà người bị chết [14; tr.219]. Đặc biệt, theo điều 404, “gian dâm với con gái nhỏ hơn 12 tuổi, dù được thuận tình thì vẫn bị xử như tội hiếp dâm [14; tr.219]...”

Trong trường hợp người phụ nữ có việc liên quan đến kiện tụng hoặc bị tội thì họ vẫn được bảo vệ ở mức độ nhất định. Điều 409 chỉ rõ “Quan coi ngục, lại ngục, ngục tốt gian dâm với đàn bà, con gái có chuyện thừa kiện thì tội nặng hơn một bậc so với tội gian dâm thông thường. Nếu có thuận tình thì giảm 3 bậc tội cho các gian phụ ấy. Nếu họ bị hiếp thì không xử tội họ” [14; tr.221]. Đặc biệt, đàn bà nếu phạm tội tử hình cũng phải đợi sau khi sinh đẻ 100 ngày mới thi hành án (điều 680) [14; tr.351].

Trong xử lý tội phạm, hệ thống hình phạt của *Quốc triều hình luật* đã thể hiện sự phân hoá giữa tội phạm nam và nữ. Điển hình như trượng hình chỉ đàn ông phải chịu [14] và xuy hình (đánh roi) áp dụng cho cả nam hoặc nữ phạm tội nhưng chủ yếu là cho nữ giới. Việc phân định rõ đối tượng áp dụng trượng hình thể hiện tính tiến bộ vượt trội hơn hẳn so với Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn ra đời sau hơn 3 thế kỉ.

Nội dung *Quốc triều hình luật* có sự quan tâm đặc biệt đến địa vị của người phụ nữ trong xã hội. Với nhiều điều khoản đề cao vai trò và vị trí của người phụ nữ trong gia đình cũng như xã hội không chỉ khẳng định tính nhân văn của *Bộ luật Hồng Đức* mà còn phản ánh truyền thống “trọng nữ” của dân tộc Việt Nam. So với các bộ luật trước đó (Lý, Trần) và sau này (nhà Nguyễn), trong một số điều khoản của *Bộ luật Hồng Đức* thì thân phận của người phụ nữ đã được luật pháp xác lập và bảo vệ. Trong một trật tự xã hội phong kiến và mô hình quân chủ quan liêu tân Nho giáo thời Lê sơ thì rõ ràng đây là một trong những nội dung thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc. Sự tiếp thu và kế thừa một cách hài hoà truyền thống văn hoá dân tộc đã tạo dựng nên giá trị nhân văn trường tồn của *Quốc triều hình luật* ngay cả khi nhà Lê không còn tồn tại.

Đồng thời, các quy định nằm rải rác trong bộ luật còn cho thấy các nhà lập pháp thời Lê sơ đã nhận thức rõ trẻ em là nhóm đối tượng yếu thế cần phải được chăm sóc đặc biệt. Điển hình như nghiêm cấm mẹ hay họ hàng không được xâm phạm quyền lợi khi con còn nhỏ chẳng may mồ côi cha [14]. Trong *Quốc triều hình luật* cũng thừa nhận việc mua bán người, trong đó bên bán đã thành niên (con gái) hoặc chưa thành niên (trẻ mồ côi) và bên mua là bất kỳ ai. Mặc dù việc mua bán này là sự tự nguyện nhưng do trẻ mồ côi cha mẹ, không người thân thích, không nơi nương tựa hay con gái có hoàn cảnh đặc biệt phải bán mình làm nô tì thì cần phải bảo vệ danh tiết, tính mạng nên pháp luật đã có những quy định chặt chẽ nhằm hạn chế việc lạm dụng quyền này gây thiệt hại đến con gái và trẻ em (điều 313, điều 404, điều 604, điều 605) [14].

Một số điều khoản trong *Bộ luật Hồng Đức* đã quy định rõ về việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em trong các tranh chấp gia đình, nhất là trong việc bảo vệ tài sản và quyền thừa kế. Đây là những minh chứng khẳng định các giá trị nhân văn của pháp luật triều Lê trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

3.3.3. Đối với một số đối tượng khác

Không chỉ có những quy định mang tính nhân văn đối với thân phận phụ nữ, trẻ em mà với một số đối tượng khác, *Quốc triều hình luật* cũng đã có những điều khoản cụ thể để bảo vệ quyền lợi. Bộ luật đã đưa ra nhiều quy định về thân phận cũng như bảo vệ họ trước hoàn cảnh, tác động của xã hội.

Đối với các hành vi trấn lột quần áo, đồ đạc của trẻ em, kẻ khủng điên hay người say rượu thì điều 435 chỉ rõ “bị xử tội đồ và phải đền gấp đôi” [14; tr.235]. Điều 363 quy định: “Mua nô tỳ mà không đem văn tự trình quan xét hỏi mà lại tự ý xăm chữ vào mặt nô tỳ thì phạt 10 quan tiền” [14; tr.193], trường hợp “xăm chữ vào kẻ ở đợ bắt làm nô tỳ cho mình thì bị xử lưu, phạt 50 quan tiền, ngoài ra còn phải trả tiền xóa chữ theo luật định (điều 365) [14; tr.193]. Chủ bị phạt “50 roi, biếm một tư” nếu bắt nô tỳ ở lại làm tôi tớ khi họ được cho về làm lương dân và được cấp giấy. Người nô tỳ vẫn được trở về theo giấy cấp (điều 291) [14; tr.163]. Điều 490, quy định trong trường hợp nô tỳ có tội, chủ không thừa quan mà đánh chết thì “xử biếm 3 tư” [14; tr.265].

Đối với người dân tộc thiểu số, *Quốc triều hình luật* cũng đã có một số khoản nhằm bảo vệ họ trước sự sách nhiễu của quan lại. Điển hình như cấm quan quân giữ cửa ải khi thấy “khách buôn bán và dân Man Liêu qua cửa ải mà đòi tiền của họ thì bị biếm hai tư. Đền trả lại cho gấp hai số tiền” (điều 71) [14; tr.69] hoặc theo điều 163 quy định khi chiêu dụ dân Man Liêu mà tự tiện phá nhà cửa lấy súc vật tài sản của dân thì bị tội biếm hay bị đồ, lại phải bồi thường gấp đôi số tiền trả cho dân [14; tr.105]. Nếu giả mạo chỉ lệnh của quan trên để “đòi trưng thu sản vật của dân Man Liêu thì xử lưu châu ngoài và đền gấp hai tang vật” (điều 531) [14; tr.285], còn nếu “thu thuế của dân Man Liêu mà không đến trình người cai quản thì xử biếm một tư” (điều 595) [14; tr.311].

Việc xử lý vi phạm đối với người dân tộc phạm tội cũng có nhiều điểm cân nhắc và áp dụng cả tục lệ của họ. Điều 40 quy định “Những người miền thượng du phạm tội với người đồng bằng thì xử theo luật” [14; tr.51]. Trong trường hợp “người Man Liêu cướp, giết lẫn nhau thì xử nhẹ hơn tội cướp, giết người thường một bậc. Cho phép họ được hoà giải”

(điều 451) [14; tr.241]. Trường hợp “quan quản giám các dân Man Liêu tự ý trông coi các vụ kiện trong hạt riêng, sai người đem tráp đi bắt người hoặc ức hiếp dân thì xử phạt 40 trượng biếm 2 tư” (điều 164) [14; tr.105]. Khi bắt tội phạm là người thiểu số mà không trình quan quản giám người Man Liêu thì bị xử biếm một tư (điều 703) [14; tr.365].

Đối với người đau ốm, lang thang, cơ nhỡ, không nơi nương tựa, phát huy truyền thống nhân đạo của dân tộc, *Quốc triều hình luật* định rõ trách nhiệm của quan lại phải thực hiện việc giúp đỡ; nếu trái lệnh này, thì quan phường xã phải “tội biếm hay bãi chức... [14; tr.163].

Theo điều 295, đối với những người góa vợ, góa chồng, mồ côi và người tàn tật nặng, nghèo khổ không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình nuôi sống được bản thân, quan sở tại phải thu nuôi họ. Nếu họ được cấp cơm áo, mà quan lại ăn bớt đi, thì “phải khép vào tội như người giữ kho ăn trộm của công” [14; tr.165].

Như vậy, thông qua nghiên cứu một số điều khoản của *Quốc triều hình luật* có thể dễ dàng nhận thấy nhà nước đã ghi nhận trách nhiệm trong việc bảo vệ những đối tượng yếu thế trong xã hội như người nghèo khổ, cô đơn, bệnh tật, goá bụa, tàn tật hoặc không có khả năng lao động... Các điều khoản đã phản ánh giá trị nhân văn sâu sắc của *Bộ luật Hồng Đức* và thể hiện truyền thống tương thân, tương ái, đùm bọc lẫn nhau trong quá trình sống và lao động được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Quốc triều hình luật ra đời trong bối cảnh chế độ quân chủ tập quyền quan liêu đạt đến đỉnh cao. Trên cơ sở kế thừa thành tựu pháp luật của các triều đại trước, kết hợp với những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố từ bên ngoài, các nhà lập pháp triều Lê sơ mà đứng đầu là Hoàng đế Lê Thánh Tông đã ban hành bộ *Quốc triều hình luật* phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của dân tộc ở thế kỉ XV. Đây là bộ luật tiêu biểu trong lịch sử pháp luật Việt Nam thời quốc gia quân chủ. Với những đặc trưng nổi bật của truyền thống văn hóa dân tộc, *Quốc triều hình luật* đã có những bước tiến vượt bậc về các giá trị lập pháp; tính toàn diện và đặc biệt là tính nhân văn sâu sắc.

Các giá trị nhân văn, tiến bộ của *Quốc triều hình luật* thể hiện ở việc coi trọng, đề cao giá trị con người, lấy con người là chủ thể trung tâm tạo động lực chính thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Mặc dù mang tính giai cấp nhưng bộ luật đã thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa quyền lợi giai cấp gắn với lợi ích dân tộc và sự “điều hoà giai cấp tài tình trong xã hội Việt Nam thời kỳ Hậu Lê trong thời thịnh trị” [4; tr.134]. Các điều khoản của bộ luật đã quan tâm đến quyền lợi của người dân, tầng lớp dưới, nô tì, người cô quả, tàn tật; chống lại sự ức hiếp, sách nhiễu của cường hào, quan lại và, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số...; phản ánh khát vọng và mong muốn đem đến cho người dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Trong lịch sử lập pháp Việt Nam thời kì quân chủ, *Bộ luật Hồng Đức* không chỉ mang tính chất pháp lý đơn thuần mà còn chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc. Điều này thể hiện ở sự quan tâm đến công lý, đạo đức, quyền lợi của các tầng lớp trong xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan dung và cơ hội sửa sai cho những người phạm lỗi... Đây là một bộ luật tiến bộ có ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ trong phạm vi pháp lý mà còn trong đời sống văn

hóa và xã hội Việt Nam đương thời. Tựu chung lại, *Quốc triều hình luật* đã phản ánh truyền thống nhân đạo, tư tưởng nhân văn “lấy dân làm gốc”, lấy làng xã làm nền tảng trong mối quan hệ chặt chẽ và bền vững giữa Nhà - Làng - Nước.

Từ góc nhìn lịch sử, việc tìm hiểu về các giá trị nhân văn của *Quốc triều hình luật* đã làm sáng tỏ thêm về lịch sử lập pháp và hành pháp Việt Nam. Đây là những kinh nghiệm và di sản văn hóa pháp lý có giá trị mà tiền nhân để lại cho hậu thế vận dụng trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Những nội dung và giá trị của bộ *Quốc triều hình luật* vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu, kế thừa và vận dụng có hiệu quả trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hoạt động lập pháp thời kì đổi mới đất nước, hội nhập toàn cầu để “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Kim Anh, Nguyễn Việt Hương (1992), *Một số văn bản pháp luật triều Lê ngoài Bộ luật Hồng Đức*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (4), tr. 24-26.
- [2] Bộ Tư pháp (2008), *Quốc triều hình luật những giá trị lịch sử và đương đại góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
- [3] Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Quốc Hoàn (2004), *Quốc triều hình luật những giá trị về lập pháp*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Trần Trọng Hựu (1992), *Một số suy nghĩ về Quốc triều hình luật*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (4), tr.18-23.
- [6] Insun Yu (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XXIII*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Bùi Phan Kỳ (2011), *Bộ luật Hồng Đức niềm tự hào của nền văn hiến Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa quân sự (76), tr.06-07.
- [8] Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê (2003), *Đại Việt Sử kí toàn thư*, tập II, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Quang Ngọc (2007), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Lê Thị Sơn (2004), *Quốc triều hình luật - lịch sử hình thành, nội dung và giá trị*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] Lê Đức Tiết (2010), *Bộ luật Hồng Đức di sản văn hoá pháp lý đặc sắc của Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Minh Tuấn (2004), *Những giá trị tích cực của Nho giáo trong Bộ luật Hồng Đức*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà nội, Chuyên san Kinh tế - Luật, T.XX, số 4, tr.39-44.
- [13] Lương Văn Tuấn (2013), *Quốc triều hình luật - các giá trị nhân văn, tiến bộ và sự kế thừa trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Lưu tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Quyết Thắng (dịch), Nguyễn Văn Hải (hiệu đính) (1998), *Lê triều hình luật (Luật Hồng Đức)*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

A CONTRIBUTION TO THE INSIGHT INTO THE HUMAN VALUES OF LE DYNASTY'S CODE OF LAW

Nguyen Thi Thuy

ABSTRACT

During its long history, Viet Nam - a monarchy nation - had experienced written laws issued by many dynasties from Ly, Tran and Later Le dynasties to Nguyen dynasty. Each code of law inherited the national culture from the dynasty and incorporated external influences. Among the codes of laws, Le dynasty's code of law is considered the height of Vietnamese law during the monarchies period. It features the advanced law-making techniques with profound and comprehensive contents. One of its distinguishable point is the human values. This does not only affirm the phenomenal growth of Dai Viet during the reign of King Le Thanh Tong but also stands for the cultural values and civilized society of the Vietnamese.

Key words: *Le dynasty's code of law, Hong Duc law, human values.*

** Ngày nộp bài: 10/03/2025; Ngày gửi phản biện: 17/03/2025; Ngày duyệt đăng: 25/12/2025*